TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04/8/2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Nhung, ông Lê Văn Tập

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Muôn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2022, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1978; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 151/19/4 H, Tổ dân phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Đỗ Tiến L, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 151/19/4 H, Tổ dân phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày có nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đỗ Tiến L đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/01/2002. Sau khi về chung sống thì đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do ông Đỗ Tiến L không tôn trọng tôi và phía gia đình tôi. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, và có dọa đánh tôi. Về kinh tế: Chồng tôi không lo đi làm ăn, một mình tôi phải lo gánh nặng kinh tế, chăm lo con cái.

Nguyện vọng của tôi là yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đỗ Tiến L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung là Đỗ Thị Quỳnh T1, sinh ngày 12/10/2002 và Đỗ Thị Quỳnh T2, sinh ngày 25/03/2005; Hiện nay cháu T1 đã đủ 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T2 hiện nay đang ở với tôi. Tôi có nguyện vọng là xin được nuôi cháu Đỗ Thị Quỳnh T2, sinh ngày 25/03/2005 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù bị đơn ông Đỗ Tiến L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp việc kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông L vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bà Bùi Thị D, ông Đỗ Tiến L theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ trông chấp, đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho bà Bùi Thị D được ly hôn với ông Đỗ Tiến L.

- Về con chung: Hiện nay con chung là Đỗ Thị Quỳnh T1, sinh ngày 12/10/2002 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết; Giao con chung là cháu Đỗ Thị Quỳnh T2, sinh ngày 25/03/2005 cho bà Bùi Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Đỗ Tiến L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án trông chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Đỗ Tiến L hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số 151/19/4 H, Tổ dân phố 2, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị D có Đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Đỗ Tiến L mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông L chung sống trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/01/2002, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Theo Nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày: Ông Đỗ Tiến L không tôn trọng Bà D và gia đình Bà D. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Về kinh tế: Ông L không lo đi làm ăn, một mình tôi phải lo gánh nặng kinh tế, chăm lo con cái.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương cho biết: Thời gian đầu, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì; Thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tính cách vợ chồng không hợp, dẫn đến ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa Bà D và ông L đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà D là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

Hiện nay cháu Đỗ Thị Quỳnh T1, sinh ngày 12/10/2002 đã đủ 18 tuổi nên cháu có quyền quyết định cuộc sống của mình, HĐXX không đề cập giải quyết.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của con chung nên cần giao Đỗ Thị Quỳnh T2, sinh ngày 25/03/2005 cho Bà D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Ông L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị D được ly hôn với ông Đỗ Tiến L.

2. Về con chung:

Hiện nay con chung là Đỗ Thị Quỳnh T1, sinh ngày 12/10/2002 đã đủ 18 tuổi, cháu có quyền quyết định cuộc sống riêng của mình nên Tòa án không đề cập giải quyết

Giao con chung là cháu Đỗ Thị Quỳnh T2, sinh ngày 25/03/2005 cho bà Bùi Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Ông Đỗ Tiến L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Bùi Thị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0012475 ngày 18/3/2022.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. BMT;*
- *UBND Phường T, TP. Buôn Ma Thuột;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan